**Thành tựu 80 năm của Ngành Văn hóa trong đảm bảo và nâng cao quyền thụ hưởng văn hóa của nhân dân**

*\*\*\*\*\*\*\**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng với sứ mệnh phụng sự nhân dân, thấm nhuần quan điểm lấy “dân là gốc”, phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân, trong suốt hơn 80 năm qua, ngành văn hóa đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong bảo đảm và nâng cao quyền thụ hưởng văn hóa của nhân dân. Những thành quả này tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu xây dựng một xã hội nhân văn, công bằng và thịnh vượng, nơi văn hóa được xác định là động lực, mục tiêu, nền tảng, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước.

Nền văn hóa Việt Nam được hình thành và phát triển trên cơ sở kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời kế thừa, phát huy những giá trị nhân văn, giàu bản sắc của truyền thống dân tộc và không ngừng tiếp thu, chọn lọc, tiếp biến tinh hoa văn hóa nhân loại.Trải qua các giai đoạn lịch sử, từ giai đoạn kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước (chống Pháp: 1946–1954; chống Mỹ 1954–1975) cho đến thời kỳ hòa bình, độc lập, xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước luôn kiên định quan điểm xuyên suốt, đó là, mọi nỗ lực xây dựng và phát triển văn hóa đều phải hướng tới phục vụ nhân dân, xuất phát từ nguyện vọng, từ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp và hạnh phúc của nhân dân. Nhân dân không chỉ là đối tượng cần được thụ hưởng các giá trị văn hóa mà hơn nữa, cũng chính là chủ thể gìn giữ, sáng tạo và bồi đắp nền văn hóa của dân tộc. Chính định hướng này đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững và toàn diện của đất nước trong suốt chặng đường lịch sử 80 năm qua và là điểm tựa vững chắc hướng tới tương lai.

Nhìn lại hành trình 80 năm xây dựng và phát triển đất nước, có thể khẳng định ngành văn hóa đã có những đóng góp quan trọng và tích cực, định hình vai trò trung tâm của văn hóa như là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng, phát huy giá trị văn hoá và sức mạnh con người Việt Nam, gắn với bảo đảm và nâng cao quyền thụ hưởng văn hóa của nhân dân[[1]](#footnote-1). Những thành tựu chính của ngành văn hoá đã đạt được trong 80 năm đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc được nhận diện và khái quát như sau.

***Hệ thống chính sách văn hóa Việt Nam tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện theo hướng toàn diện, thống nhất và gắn với thực tiễn, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận và thụ hưởng văn hóa của mọi tầng lớp nhân dân.***

Trong suốt hơn 80 năm qua, hệ thống chính sách có tính bao trùm, toàn diện và gắn với thực tiễn, với mục tiêu cao nhất để đảm bảo và nâng cao quyền thụ hưởng văn hoá của nhân dân luôn được Đảng và Nhà nước ta kiên định xây dựng và tiếp tục hoàn thiện. Ngay từ thời điểm những năm đầu thập niên 40 của thế kỷ XX - khi vận mệnh dân tộc đang đứng trước nhiều chông gai, thử thách[[2]](#footnote-2), Đảng ta đã xác định vị trí, vai trò đặc biệt của văn hóa, đặt văn hóa ở vị trí trọng yếu trong chiến lược đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đề cương về văn hóa Việt Nam được Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua (tháng 2/1943) là văn kiện nền móng trong việc xây dựng lý luận về định hướng phát triển văn hoá Việt Nam, xác lập ba nguyên tắc lớn: dân tộc, khoa học, đại chúng, khẳng định nền văn hóa mới mà Đảng ta xây dựng chính là nền văn hóa thuộc về nhân dân và do nhân dân. Tiếp đó, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi”, khẳng định vai trò dẫn dắt của văn hoá và mục tiêu cao nhất của văn hoá là vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân.

Từ Đề cương văn hóa năm 1943 cho tới thời điểm hiện nay, Đảng và nhà nước ta luôn nhất quán định hướng xây dựng, củng cố và hoàn thiện cơ sở pháp lý và thể chế văn hóa là tiền đề kiến tạo môi trường văn hoá thuận lợi, phát huy sức mạnh nội sinh, lấy con người làm trung tâm, làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hệ thống quan điểm và đường lối của Đảng về phát triển văn hóa và con người Việt Nam đã được thể chế hóa thành các chính sách, pháp luật của Nhà nước, được hiến định trong Hiến pháp như một cơ sở pháp lý tối cao, bảo đảm định hướng lâu dài và bền vững[[3]](#footnote-3). Đảm bảo quyền tiếp cận và hưởng thụ văn hoá của nhân dân là một mục tiêu luôn được nhấn mạnh, chú ý trong các văn kiện của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VIII) ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc xác định: “*làm cho vǎn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, vǎn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội*”. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII tiếp tục đề ra 05 quan điểm chỉ đạo, 10 nhiệm vụ cụ thể; đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng con người Việt Nam, với trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh. Nghị quyết 33/NQ-TW về xây dựng, phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (năm 2014) nêu bật quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội[[4]](#footnote-4). Đường lối chính sách của Đảng luôn khẳng định vai trò, tầm quan trọng của nhân dân, đảm bảo quyền lợi cao nhất của nhân dân trong phát triển văn hoá, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân: “*Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng*”[[5]](#footnote-5). “*mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân*”[[6]](#footnote-6), “*Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế*”[[7]](#footnote-7).

Tinh thần chủ đạo này được hiện thực hóa thông qua các kế hoạch, chiến lược và chương trình triển khai ở nhiều cấp độ, với sự phối hợp của nhiều ban ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân, cùng đồng hành cùng với những nỗ lực của ngành văn hoá. Đáng chú ý là, trong những năm gần đây, các văn bản chính sách về lĩnh vực văn hóa ngày càng được chú trọng bổ sung, hoàn thiện theo cách tiếp cận đa chiều, đa tầng, đa ngành, trong đó văn hóa được nhìn nhận như một lĩnh vực năng động, nhiều chiều kích, gắn với sự phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường… Văn hóa được nhìn nhận như nguồn vốn xã hội, củng cố bản sắc dân tộc và sự gắn kết cộng đồng, vừa mang lại giá trị kinh tế, tạo cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Bên cạnh nhận thức mới về cách tiếp cận văn hóa dưới góc độ các sản phẩm và dịch vụ mang giá trị kinh tế, trong đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách, các giá trị phi vật chất của văn hoá luôn được trân trọng, như tinh thần cộng đồng, giá trị lịch sử, giá trị đạo đức… Văn hoá được xem như hàng hóa công truyền tải giá trị tinh thần, đóng góp vào tiến bộ và công bằng xã hội và vì vậy luôn nhận được sự chú ý đầu tư của nhà nước. Điển hình gần đây nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 đã được Quốc hội thông qua. Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030; Chiến lược phát triển thể dục thể thao đến năm 2030… Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế về văn hoá được chú trọng, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến văn hóa hiện nay đang xây dựng và hoàn thiện theo hướng mở, cập nhật, linh hoạt và thích ứng, chú ý tối ưu hóa giá trị kinh tế của văn hóa mà vẫn bảo tồn bản sắc dân tộc và giữ gìn các giá trị nhân văn. Văn hóa cũng được chú trọng như một quá trình liên tục bao gồm sáng tạo, bảo tồn và kế thừa, hướng đến sự cân đối hài hoà hơn giữa bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá.

Với các chính sách đúng đắn này, đời sống tinh thần của nhân dân ngày càng phong phú, đa dạng hơn, đảm bảo quyền tiếp cận cao nhất của người dân đến văn hoá, từ đó để văn hoá đáp ứng được nhu cầu của xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Có được điều này, một phần là do nhìn nhận về văn hóa ngày càng được gắn kết và tích hợp trong các chính sách ở nhiều lĩnh vực khác, như giáo dục, du lịch, nghiên cứu, ngoại giao, các chính sách an sinh xã hội và môi trường, các quy hoạch vùng, địa phương…. Đồng thời, hệ thống chính sách văn hoá hiện nay đang chú ý tổng thể đến nhiều vấn đề có tính chất nền tảng cho sự phát triển bền vững của văn hoá gắn với quyền lợi của người dân như: đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giáo dục, dịch vụ xã hội , hỗ trợ tài chính và chính sách để mở rộng cơ hội thụ hưởng văn hoá trong bối cảnh phát triển, hội nhập và toàn cầu hoá. Hơn nữa, đã có những chuyển biến tích cực trong cách tiếp cận quản lý nhà nước về văn hoá, dần từng bước chuyển từ mô hình từ trên xuống sang mô hình hợp tác đa chiều. Toàn Ngành văn hoá đã quyết liệt thay đổi tư duy từ “làm văn hóa” sang “quản lý nhà nước về văn hóa” thông qua công cụ pháp luật. Từng bước khuyến khích các mô hình quản trị tích hợp, huy động nguồn lực và sự tương tác hiệu quả hơn giữa các cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và cộng đồng trong quản lý văn hoá, thấm nhuần quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch: “Văn hóa là nền tảng - Thông tin là mạch dẫn - Thể thao là sức mạnh - Du lịch là nhịp cầu kết nối”. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, cùng với sự thay đổi như vũ bão của khoa học công nghệ và môi trường số hóa định hướng phát triển kinh tế tri thức, định hướng phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo, giải phóng năng lực sáng tạo của các chủ thể trong xã hội cho văn hóa, củng cố sức mạnh mềm của quốc gia ngày càng được chú ý.

Nhìn chung, trong thời gian qua, tại Việt Nam, hệ thống chính sách nói chung và các chính sách liên quan đến phát triển văn hóa được ban hành, ngày càng hài hòa với các chuẩn mực quốc tế về quyền văn hóa. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng nhằm bảo đảm quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương, đặc biệt là quyền tiếp cận, tham gia và thụ hưởng các giá trị văn hóa. Trong đó, Luật Người khuyết tật năm 2010[[8]](#footnote-8) (Luật số 51/2010/QH12) là cơ sở pháp lý nền tảng, bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia và thụ hưởng các giá trị văn hóa, nghệ thuật, thể thao và giải trí của người khuyết tật một cách bình đẳng với mọi công dân. Luật cũng xác định quy định Nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng có trách nhiệm tạo điều kiện, hỗ trợ cơ sở vật chất và dịch vụ văn hóa phù hợp, giúp người khuyết tật hòa nhập đời sống tinh thần và phát huy năng lực sáng tạo. Không chỉ dừng ở Luật Người Khuyết Tật, hiện nay những luật khác liên quan đến trẻ em[[9]](#footnote-9), phụ nữ[[10]](#footnote-10), người cao tuổi[[11]](#footnote-11), dân tộc thiểu số[[12]](#footnote-12), người nghèo, cùng với các nghị định và chiến lược phát triển văn hóa khác[[13]](#footnote-13) đã tạo hành lang pháp lý toàn diện, đảm bảo mọi công dân đều được tiếp cận và hưởng thụ văn hóa một cách công bằng, theo nguyên tắc “không ai bị bỏ lại phía sau”.

**Đảm bảo khả năng tiếp cận và tham gia bình đẳng vào đời sống văn hoá của nhân dân, thu hẹp bất bình đẳng về tiếp cận và thúc đẩy quyền tự do sáng tạo, sản xuất và phổ biến sản phẩm văn hoá**

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, văn hóa – thông tin đã trở thành vũ khí tinh thần sắc bén, khơi dậy lòng yêu nước, hun đúc ý chí kiên cường và củng cố niềm tin vào thắng lợi của cách mạng. Việc triển khai các quan điểm, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng đã mang lại nhiều kết quả quan trọng, góp phần hình thành và khẳng định vị thế của nền văn hóa dân chủ mới – còn gọi là văn hóa cứu quốc. Phong trào văn nghệ quần chúng, cùng với báo chí và xuất bản, phát triển mạnh mẽ và rộng khắp trên cả nước, tạo nên đời sống văn hóa sôi động gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp cách mạng. Đội ngũ trí thức và văn nghệ sĩ tích cực tham gia vào cuộc kháng chiến với vai trò như những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, đóng góp quan trọng trong việc xây dựng một nền văn học và nghệ thuật cách mạng, giàu tính kháng chiến. Đồng thời, những tàn tích văn hóa nô dịch dưới chế độ thực dân và các hủ tục lạc hậu, lỗi thời của di sản phong kiến từng bước được xóa bỏ, tạo tiền đề cho việc hình thành nền văn hóa dân chủ mới mang tính dân tộc, khoa học và đại chúng. Những thành tựu xã hội trong thời kỳ kháng chiến cũng rất đáng ghi nhận: hàng triệu đồng bào thoát nạn mù chữ, hệ thống giáo dục được quan tâm, từng bước cải cách phương pháp giảng dạy, góp phần xây dựng nếp sống mới trong cộng đồng. Nhiều phong trào xã hội thể hiện tinh thần tương thân tương ái của dân tộc như “Hũ gạo cứu đói”, “Lá lành đùm lá rách”, “Tuần lễ vàng”… được phát động rộng khắp, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ. Bên cạnh đó, các phong trào xây dựng nếp sống văn minh được triển khai tích cực, góp phần bài trừ tệ nạn xã hội và nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng. Đặc biệt, phong trào “Thi đua yêu nước” do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động năm 1948 đã trở thành nguồn động viên tinh thần to lớn, khơi dậy lòng yêu nước, ý chí quật cường, trí tuệ và sức sáng tạo của nhân dân. Đây chính là động lực tinh thần mạnh mẽ thúc đẩy khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến dân tộc đi đến thắng lợi vẻ vang.

 Sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975), Việt Nam bước vào thời kỳ phục hồi và tái thiết với muôn vàn khó khăn, văn hóa vẫn tiếp tục khẳng định vai trò như nguồn lực tinh thần to lớn, góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh, củng cố đại đoàn kết dân tộc và khơi dậy khát vọng xây dựng đất nước hòa bình, ấm no, hạnh phúc. Các thiết chế văn hóa được củng cố, bộ máy ngành Văn hóa – Thông tin được tăng cường, cùng với phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở lan tỏa rộng khắp, tạo nền tảng hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Công cuộc Đổi mới năm 1986 đã mở ra quá trình chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy hội nhập quốc tế, đồng thời nhờ những chính sách đúng đắn, chất lượng đời sống văn hóa ngày càng được từng bước nâng cao, thỏa mãn các đòi hỏi đa dạng về hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Huy động sự tham gia của toàn xã hội cho sự phát triển của văn hóa, đặc biệt là các nguồn lực từ các thành phần ngoài nhà nước. Xây dựng xã hội học tập trong đó mỗi người đều tích cực, chủ động, học tập suốt đời. Môi trường văn hóa được cải thiện, đặc biệt là các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư gắn với cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị thông minh giàu bản sắc, sáng, xanh, sạch, đẹp. Môi trường văn hóa lành mạnh từ gia đình, nhà trường, xã hội, cộng đồng văn hóa cơ sở.. được chú ý xây dựng. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới qua nhiều giai đoạn đã hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khoẻ cho người dân. Các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng được phát động và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân; mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ được nhân rộng góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; các ngày hội, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng, miền được Bộ VHTTDL phối hợp với các địa phương định kỳ tổ chức, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Hơn nữa, trong một thập niên vừa qua, ngành văn hoá đã đạt được nhiều thành tựu trong việc mở rộng khả năng tiếp cận những sản phẩm văn hóa thông qua công nghiệp văn hóa và những chính sách hỗ trợ khác, góp phần đảm bảo quyền thụ hưởng văn hóa của nhân dân. Thị trường văn hóa ngày càng khởi sắc, các sản phẩm và dịch vụ đa dạng hơn; chất lượng sản phẩm được nâng cao nhờ vào việc phát huy tri thức, sức sáng tạo và tư duy đổi mới của các chủ thể đa dạng trong xã hội như: nghệ sĩ, nghệ nhân, doanh nhân, nhà khoa học, cộng đồng và các chủ thể sáng tạo, thực hành khác. Tự do sáng tạo ngày càng được tôn trọng và mở rộng nhờ những chính sách khuyến khích kịp thời và môi trường pháp lý tiến bộ. Xu hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong quản lý văn hóa đã tạo điều kiện cho nghệ sĩ và doanh nghiệp chủ động sáng tạo, tự chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ. Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước là động lực xúc tác cho nguồn cung sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú hơn, đặc biệt với những lĩnh vực như điện ảnh, âm nhạc, nghệ thuật biểu diễn… đã chứng kiến sự phát triển mạnh thu hút đông đảo công chúng nội địa.

***Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá đạt được nhiều thành tựu đáng chú ý***

Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa không chỉ liên quan mà còn là một nội dung cốt lõi trong quyền hưởng thụ văn hóa. Người dân vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là đối tượng thụ hưởng, đồng thời có trách nhiệm và quyền trong việc giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa dân tộc. Để đảm bảo quyền văn hóa, việc thừa nhận và tôn trọng sự độc đáo và đa dạng của văn hóa, bao gồm văn hóa của các nhóm thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá đã được ngành đặc biệt quan tâm chú ý, góp phần đưa các đường lối, chủ trương của Đảng vào thực tiễn.

Việt Nam là đất nước có bề dày lịch sử và văn hóa truyền thống hàng ngàn năm. Văn hóa Việt Nam có sự thống nhất trong đa dạng, là sự hòa quyện, kết tinh giữa bản sắc văn hóa 54 dân tộc anh em. Trải qua những thăng trầm lịch sử, trong tiến trình phát triển, truyền thống văn hóa đã trở thành mạch nguồn nuôi dưỡng, tạo nên nét đẹp, cốt cách của con người Việt Nam, đồng thời kết tinh thành kho tàng di sản văn hóa đa dạng, phong phú với nhiều loại hình và thành tố khác nhau.

Ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của bản sắc văn hóa, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam đã dành sự quan tâm đặc biệt cho việc bảo tồn và phát huy văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc luôn được khẳng định trong nhiều văn kiện của Đảng cũng như trong các phát biểu chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, nhà nước[[14]](#footnote-14). Định hướng, tầm nhìn về bảo vệ, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời gạn đục, khơi trong, chủ động tiếp thu có chọn lọc các giá trị tinh hoa văn hóa phù hợp của nhân loại trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế, giữ vững bản sắc văn hoá, hoà nhập mà không “hoà tan” đã và đang được minh chứng bằng những kết quả đáng khích lệ.

Công tác kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa được tăng cường. Hệ thống di sản văn hóa Việt Nam được ghi nhận rộng rãi với con số ấn tượng, góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, tạo sinh kế, công ăn việc làm ổn định cho hàng vạn lao động tại địa bàn có di sản, đồng thời góp phần khơi dậy niềm tự hào dân tộc về bản sắc văn hoá, thúc đẩy sự cố kết cộng đồng. Hiện cả nước có hơn 40.000 di tích và gần 70.000 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê, trong đó có 36 di sản được UNESCO công nhận/ ghi danh. Tính đến năm 2025, Việt Nam có 9 di sản thế giới được UNESCO công nhận (trong đó có 6 di sản văn hóa, 2 di sản thiên nhiên, 1 di sản hỗn hợp (văn hóa và thiên nhiên). Trong 9 di sản này, Quần thể di tích, danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn, Kiếp Bạc là di sản văn hóa thế giới vừa được UNESCO công nhận tại kỳ họp lần thứ 47 vào tháng 7/2025. Đã có 01 di sản tư liệu thế giới và 03 di sản tư liệu được ghi danh là di sản tư liệu Khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong tổng số 11 di sản tư liệu được Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO ghi danh (04 di sản tư liệu thế giới và 07 di sản tư liệu Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương). Trình Thủ tướng Chính phủ xếp hạng 25 di tích quốc gia đặc biệt (trong tổng số 144 di tích). Quyết định xếp hạng 110 di tích quốc gia (trong tổng số 3.661 di tích). Cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ học tại 194 địa điểm. Nhiều di tích sau khi tu bổ, tôn tạo đã được chính quyền các cấp cùng với cộng đồng nơi có di tích quản lý và phát huy giá trị hiệu quả, đã trở thành những sản phẩm văn hóa đặc thù, tạo ra những điểm, tuyến du lịch hấp dẫn, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển ngành kinh tế mũi nhọn du lịch, góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, tạo sinh kế, công ăn việc làm ổn định cho hàng vạn lao động tại địa bàn có di sản. Tính đến tháng 5/2025 đã có khoảng gần 70.000 di sản văn hóa phi vật thể của 63 tỉnh, thành phố được kiểm kê. Quyết định đưa 271 di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (trong tổng số 635 di sản). Hệ thống bảo tàng Việt Nam hiện có 204 bảo tàng, trong đó 127 bảo tàng công lập, 78 bảo tàng ngoài công lập, đang lưu giữ, phát huy giá trị trên 4 triệu hiện vật. Bộ VHTTDL đã trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận công nhận 112 bảo vật quốc gia (trong tổng số 327 hiện vật, nhóm hiện vật là bảo vật quốc gia)…

Các chương trình được triển khai đã bước đầu đem lại hiệu quả thực tiễn như: Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, góp phần giữ gìn phong tục, ngôn ngữ và tập quán văn hoá riêng của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với phát triển du lịch. Dự án 6 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030 được thực hiện với các mục tiêu như: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người. Bên cạnh đó, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cũng chú ý đến các nội dung liên quan đến văn hoá như: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khoẻ cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khoẻ, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch…

Đáng chú ý là, trong bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá, vai trò chủ thể của cộng đồng ngày càng được chú ý. Mỗi cá nhân, nhóm, cộng đồng và dân tộc có quyền trong duy trì, bảo vệ và phát triển bản sắc văn hoá riêng. Nhiều tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt đẹp, nhiều loại hình di sản vật thể và phi vật thể được bảo tồn và được phát huy, tăng cường tích hợp vào sự phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện tại, gắn với sinh kế cộng đồng và phát triển bền vững. Nhìn chung, hưởng thụ văn hoá của người dân ngày càng được tăng cường đi cùng với việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá, góp phần xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh và phát triển bền vững, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc, nhận được sự ghi nhận của đông đảo quần chúng nhân dân.

***Đẩy mạnh số hoá, bình đẳng giới và đa dạng văn hoá trong tiếp cận, hưởng thụ văn hoá***

Trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã nỗ lực thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu thông qua việc ban hành nhiều chính sách, nhằm phấn đấu trở thành quốc gia số dựa trên ba trụ cột cơ bản: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Các chính sách được triển khai theo hướng xây dựng hạ tầng viễn thông đồng bộ, thúc đẩy hình thành và phát triển kinh tế số, từng bước khẳng định vai trò là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Công nghệ số được khuyến khích áp dụng trong các nhiều lĩnh vực; nhiều mô hình kinh doanh và dịch vụ mới xuyên biên giới đã xuất hiện trên nền tảng Internet, góp phần mở rộng cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, tăng tiện ích xã hội và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

Dữ liệu cho thấy việc thụ hưởng văn hóa của người dân đang dịch chuyển mạnh mẽ sang không gian trực tuyến. Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, tính đến tháng 1/2024, Việt Nam có 78,44 triệu người dùng Internet, chiếm khoảng 79,1% tổng dân số, với thời gian sử dụng trung bình gần 7 giờ mỗi ngày[[15]](#footnote-15) (con số này đã gia tăng nhanh chóng so với năm 1997, chỉ hơn 200.000 người Việt sử dụng Internet, năm 2007 tăng lên gần 20 triệu người, chiếm khoảng 24% dân số). Tính đến đầu năm 2025, theo số liệu từ Cục Phát thanh Truyền hình và Thông tin điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông (cũ), tại Việt Nam đã có khoảng 7,4 triệu thuê bao OTT TV (dịch vụ truyền hình Internet)—tăng 33% so với con số 5,6 triệu vào năm 2023[[16]](#footnote-16). Một số số liệu khác nhận định, đến đầu năm 2025, có khoảng 61,5% người dùng Internet tại Việt Nam xem truyền hình và video trực tuyến trên các nền tảng OTT[[17]](#footnote-17). Tính đến tháng 1 năm 2025, tại Việt Nam có 76,2 triệu tài khoản mạng xã hội - tương đương với 75,2% tổng dân số[[18]](#footnote-18). Hạ tầng Internet ở Việt Nam hiện đã có bước phát triển vượt bậc với 88,7% thuê bao di động sử dụng smartphone, 82,3% hộ gia đình có kết nối Internet cáp quang, Mạng 4G đã phủ 99,8% lãnh thổ, Tỷ lệ sử dụng giao thức Internet thế hệ 6 (IPv6) tại Việt Nam đạt tỷ lệ 60%, nằm trong nhóm 10 quốc gia dẫn đầu toàn cầu. Thích ứng với môi trường số này, nhiều cơ quan, đơn vị trong ngành văn hoá đã chủ động ứng dụng hạ tầng số cho sản xuất, phân phối, tiêu dùng sản phẩm văn hóa; đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ, tăng cường số hoá để tiếp cận với người dân. Một số bảo tàng, nhà hát, đơn vị vă hoá đã bắt đầu ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong số hóa di sản, trong trưng bày, biểu diễn, giáo dục; Trong lĩnh vực xuất bản, nhiều đơn vị đã chủ động đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh chuyển đổi từ mô hình kinh doanh truyền thống sang ứng dụng công nghệ số, đồng thời phát triển kênh thương mại điện tử nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của độc giả. Báo chí, truyền thông và xuất bản tăng cường xuất bản điện tử, kịp thời đưa thông tin, đường lối, chính sách đến người dân. Trong giai đoạn 2026–2031, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịc hướng tới mục tiêu lớn là toàn bộ các đơn vị hoạt động văn hóa – nghệ thuật được tin học hóa và chuyển đổi số; xây dựng và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn (Big Data) về văn hóa, nghệ thuật, gia đình và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam như một nguồn tài nguyên dùng chung. Các cơ quan báo chí hướng tới vận hành mô hình tòa soạn hội tụ, sản xuất nội dung theo xu hướng báo chí số; các đài phát thanh, truyền hình đưa nội dung lên nền tảng số (ưu tiên các nền tảng trong nước) và bảo đảm phát sóng tối đa thời gian cho các chương trình chính trị, thông tin thiết yếu của quốc gia và địa phương.

Hơn nữa, bình đẳng giới và đa dạng văn hoá trong tiếp cận, hưởng thụ văn hoá đã và đang được chú trọng. Không chỉ cộng đồng dân tộc thiểu số mà các nhóm xã hội khác như nhóm thanh niên, người già, người dân nông thôn, người dân thành thị, dân di cư, dân tại chỗ, những người theo tôn giáo, người có giới tính khác..vv, đều có quyền có những phương thức biểu đạt và hưởng thụ văn hóa, thể hiện những đặc trưng văn hóa và hệ giá trị riêng của họ. Đồng thời nâng cao nhận thức về đa dạng văn hóa, quyền biểu đạt văn hoá cần được bồi đắp trên nền tảng của sự tôn trọng, nói cách khác, một mặt, các cá nhân, cộng đồng có cơ hội công bằng để theo đuổi các giá trị văn hóa của riêng họ và tham gia các thực hành văn hóa mà họ mong muốn, mặt khác, họ cũng cần đảm bảo nguyên tắc cốt lõi rằng, những giá trị và thực hành văn hóa này không gây phương hại đến danh dự, nhân phẩm và quyền lợi chính đáng của các cá nhân, cộng đồng khác. Việc đảm bảo nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau sẽ đưa các chủ thể văn hóa bước vào quá trình hợp tác, đối thoại, xây dựng niềm tin và chia sẻ để cùng tồn tại và phát triển thay vì tạo ra những xung đột và mâu thuẫn./.

**Tài liệu tham khảo**

Nguyễn Phú Trọng (2022): Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành Văn hoá [https://baovanhoa.vn/chinh-tri/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-le-ky-niem-80-nam-ngay-truyen-thong-nganh-van-hoa-163279.html]

Ngành Văn hóa Việt Nam 80 năm đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc [https://dangcongsan.org.vn/bocongthuong/tin-tuc-hoat-dong/nganh-van-hoa-viet-nam-80-nam-dong-hanh-cung-su-nghiep-cach-mang-ve-vang-cua-dang-va-dan-toc.html]

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-1909-QD-TTg-2021-phe-duyet-Chien-luoc-phat-trien-van-hoa-den-2030-494295.aspx>

1. Theo một số nghiên cứu, quyền văn hóa được nhìn nhận gồm 5 khía cạnh chính: i) quyền được tham gia và hưởng thụ văn hóa; ii) quyền được tiếp cận văn hóa/cơ sở văn hóa; iii) quyền được tự do sáng tạo, thể hiện và thực hành văn hóa; iv) quyền được tôn trọng và thể hiện sự khác biệt mà không bị kỳ thị và phân biệt đối xử; v) quyền được bảo hộ các quyền lợi về tinh thần và vật chất phát sinh từ những sáng tạo của cá nhân và cộng đồng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong bối cảnh chính trị-xã hội đầy phức tạp ở nước ta trong những năm đầu thập niên 40 của thế kỷ XX, khi chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bùng nổ, phát xít Nhật tràn vào nước ta với mưu đồ thay thế thực dân Pháp thống trị Việt Nam. Sự kiện này đã buộc dân tộc ta phải đương đầu với hai thế lực đế quốc hùng mạnh là Pháp và Nhật trong cuộc đấu tranh giải phóng, dành độc lập dân tộc, Đảng vẫn đang trong thời kỳ hoạt động bí mật, nhưng Bản đề cương về văn hoá Việt Nam đã ra đời và thể hiện trí tuệ sáng suốt, nhạy bén của Đảng. [↑](#footnote-ref-2)
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định rõ quyền tự do sáng tạo, thụ hưởng và tham gia đời sống văn hóa của công dân Điều 40 quy định: “Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó.” – điều này bảo đảm quyền tự do sáng tạo và quyền được hưởng thành quả lao động trí tuệ của mỗi cá nhân và cộng đồng. Điều 41 nêu rõ: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa” -khẳng định quyền tiếp cận và tham gia vào đời sống văn hóa, giúp mọi người được thụ hưởng thành tựu văn hóa của xã hội. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nghị quyết 33/NQ-TW nêu rõ: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc” [↑](#footnote-ref-4)
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Sđd, tr.49. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Sđd, tr.216. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Sđd, tr.262 [↑](#footnote-ref-7)
8. Ngày 17 tháng 6 năm 2010, Quốc hội ban hành Luật Người khuyết tật 2010 gồm có 10 chương và 53 điều luật, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. [↑](#footnote-ref-8)
9. Luật Trẻ em 2016 (Luật số 102/2016/QH13) [↑](#footnote-ref-9)
10. Luật Bình đẳng giới 2006 (Luật số 73/2006/QH11) [↑](#footnote-ref-10)
11. Luật Người cao tuổi 2009 (Luật số 39/2009/QH12) [↑](#footnote-ref-11)
12. Luật Công tác dân tộc 2020 (Luật số 116/2020/QH14) [↑](#footnote-ref-12)
13. Luật Thư viện 2019 (Luật số 46/2019/QH14), Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 [↑](#footnote-ref-13)
14. Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành Văn hoá [https://baovanhoa.vn/chinh-tri/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-le-ky-niem-80-nam-ngay-truyen-thong-nganh-van-hoa-163279.html] [↑](#footnote-ref-14)
15. https://mst.gov.vn/internet-viet-nam-ba-muoi-nam-phat-trien-than-toc-197241227122858638.htm [↑](#footnote-ref-15)
16. https://abei.gov.vn/phat-thanh-truyen-hinh/luong-nguoi-xem-truyen-hinh-tra-tien-tai-viet-nam-tang-manh/118572 [↑](#footnote-ref-16)
17. Clever Ads, Báo Cáo tình hình Digital tại Việt Nam 2025.

https://cleverads.vn/blog/digital/ [↑](#footnote-ref-17)
18. theo Báo cáo "Digital 2025: Vietnam" của DataReportal (hợp tác với We Are Social và Meltwater) https://datareportal.com/reports/digital-2025-vietnam [↑](#footnote-ref-18)